**CHUYÊN ĐỀ 3: BÀI 8: KHÁI NIỆM VÀ GIÁ TRỊ CỦA SINH THÁI NHÂN VĂN**

Môn học/ Hoạt động giáo dục: Chuyên đề học tập Sinh học lớp 12

 Thời gian thực hiện: 2 tiết

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Họ và tên người soạn | Đỗ Thị Linh Lan  | Phan Thị Thảnh.  | Nguyễn Thị Minh Nguyệt |
| Số điện thoại | 0918265440 | 0916468279 | 0985717454 |
| Email | nhankhoa2013@gmail.com | phanthithanh80@gmail.com | ntmnguyetcva@gmail.com |
| Zalo | Lando | Phan Thi Thanh | nguyet |

**I. MỤC TIÊU**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHẨM CHẤT,****NĂNG LỰC** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** | **MÃ HOÁ** |
| **1. Về năng lực****a. Năng lực sinh học** |
| Nhậnsinh họcthức | Nêu được khái niệm sinh thái nhân văn. | SH 1.1 |
| Phân tích được giá trị của sinh thái nhân văn trong việc phát triển bền vững. | SH 1.4 |
| Vận dụng kiếnthức, kĩ năngđã học | Vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải thích, đánh giá hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và trong đời sống; có thái độ và hành vi ứng xử thích hợp. | SH 3.2 |
| **b. Năng lực chung** |
| Tự chủ vàtự học | Sẵn sàng đón nhận và quyết tâm vượt qua thử thách trong học tập và đời sống. | TCTH 3.3 |
| Giao tiếp vàhợp tác | Biết chủ động trong giao tiếp: tự tin và biết kiểm soát cảm xúc, thái độ khi nói trước nhiều người. | GTHT 1.5 |
| **2. Về phẩm chất** |
| Chăm chỉ | Tích cực tìm tòi và sáng tạo trong học tập; có ý chí vượt qua khó khăn để đạt kết quả tốt trong học tập. | CC 1.2 |
| Trách nhiệm | Hiểu rõ ý nghĩa của tiết kiệm đối với sự phát triển bền vững, có ý thức tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; đấu tranh ngăn chặn các hành vi sử dụng bừa bãi, lãng phí vật dụng, tài nguyên | TN 4.1 |

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Đối với giáo viên**

- Hình ảnh về mối quan hệ giữa nhận thức, hành động và lợi ích của sinh thái nhân văn; các hình ảnh như trong SCĐ hoặc tương tự.

- Các câu hỏi liên quan đến bài học.

- Máy tính, máy chiếu.

**2. Đối với học sinh**

- Tìm hiểu trước về khái niệm kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**HOẠT ĐỘNG 1. MỞ ĐẦU (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** Nhận biết được nhiệm vụ học tập là sinh thái nhân văn.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập**

- GV đặt vấn đề theo gợi ý trong SCĐ kết hợp phương pháp toạ đàm để đưa ra ý kiến cá nhân:

“Mặc dù con người chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong toàn bộ sinh khối của Trái Đất nhưng tác động của con người đối với các hệ sinh thái là vô cùng đa dạng và mạnh mẽ. Những mối quan hệ giữa con người với các hệ sinh thái là đối tượng nghiên cứu của sinh thái nhân văn vậy sinh thái nhân văn là gì? Con người có những tác động nào đối với hệ sinh thái và với sự phát triển bền vững?”

 Từ đó, GV dẫn dắt HS vào nội dung bài.

- GV có thể sử dụng kĩ thuật KWL để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận về những nội dung kiến thức liên quan đến sinh thái nhân văn.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV và hoàn thành bảng KWL.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS báo cáo kết quả thực hiện bảng KWL.

- Các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét cho kết quả thực hiện nhiệm vụ của các nhóm. Từ đó, dẫn dắt HS vào bài học.

**HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI (65 phút)**

**Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái niệm về sinh thái nhân văn (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 1.1, SH 1.4, GTHT 1.5.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:** GV sử dụng phương pháp dạy học trực quan, hỏi đáp nêu vấn đề kết hợp kĩ thuật khăn trải bàn để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung đưa ra khái niệm về sinh thái nhân văn trong SCĐ.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu nội dung và trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày nội dung trả lời các câu hỏi trong SCĐ.

 Tại sao nói ‘con người có vai trò quan trọng đối với hệ sinh thái nhân văn’?

- Các HS còn lại lắng nghe, nhận xét và đóng góp ý kiến.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm như ý (1) SCĐ trang 58.

- Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.

- GV sử dụng công cụ 1 để đánh giá.

**Hoạt động 2.2. Tìm hiểu mối quan hệ giữa nhận thức, hành động và lợi ích của sinh thái nhân văn (15 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 1.4, SH 3.2, TCTH 3.3, CC 1.2.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV sử dụng phương pháp trực quan hỏi – đáp kết hợp kĩ thuật bể cá để hướng dẫn và gợi ý cho HS thảo luận nội dung trong SCĐ. Tiến hành chia lớp thành hai nhóm:

+ Nhóm thảo luận: Ngồi ở trung tâm lớp học và tiến hành thảo luận các vấn đề mà GV đưa ra về mối quan hệ giữa nhận thức, hành động và lợi ích của sinh thái nhân văn và hoàn thành Phiếu học tập số 1.

+ Nhóm quan sát: Ngồi xung quanh, tập trung quan sát nhóm thảo luận.Trong nhóm thảo luận, GV để chừa một chỗ trống để thành viên trong nhóm quan sát có thể tham gia vào nhóm thảo luận để đóng góp ý kiến hoặc đặt câu hỏi và hoàn thành Phiếu học tập số 2.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo cặp để hoàn thành Phiếu học tập số 2 dưới sự hướng dẫn của GV.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày câu trả lời dựa trên kết quả thảo luận nhóm bằng phương pháp thuyết trình.

- Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm như ý (2) SCĐ trang 58:

+ Giá trị của sinh thái nhân văn trong phát triển bến vững là sự thay đổi mang tính toàn diện:

. Cách tiếp cận (giải quyết vấn đề phát triển bền vững dựa trên ba trụ cột: kinh tế - xã hội – môi trường

. Nhiệm vụ, các định hướng chung của sinh thái nhân văn

. Kết quả phát triển bền vững

- Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.

- GV sử dụng công cụ 1, 2 và 5 để đánh giá.

**Hoạt động 2.3. Tìm hiểu các định hướng chung để phát triển bền vững (20 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 1.4, SH 3.2, TN 4.1, TCTH 3.3, CC 1.2.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV sử dụng phương pháp trực quan, hỏi – đáp kết hợp thuyết trình để tổ chức và hướng dẫn cho HS tìm hiểu các nội dung theo các mục trong SCĐ.

- GV yêu cầu HS ghi kết quả vào biên bản thảo luận nhóm.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày câu trả lời dựa trên kết quả thảo luận nhóm bằng phương pháp thuyết trình.

- Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm như ý (3) SCĐ trang 58.

- Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.

- GV sử dụng công cụ 7 để đánh giá.

**Hoạt động 2.4. Tim hiểu vai trò của sinh thái nhân văn trong phát triển bền vững**

**(20 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 3.2; TCTH 3.3; CC 1.2.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV nên giúp HS nhớ lại khái niệm phát triển bền vững. Tuỳ theo tình hình cụ thể, GV có thể tổ chức cho HS hoạt động theo một trong những cách sau:

+ Đối với lớp có năng lực bình thường, GV nhắc lại cho HS về khái niệm phát triển bền vững: Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai.

+ Đối với lớp có nhiều HS khá, giỏi, GV yêu cầu HS nêu khái niệm phát triển bền vững và giải thích tại sao phát triển bền vững là sự phát triển luôn giữ được sự kết hợp cân đối, hài hoà trên cả ba trụ cột phát triển về kinh tế, xã hội và môi trường. Khi phân tích mặt bền vững về kinh tế, GV có thể yêu cầu HS chỉ ra đặc điểm của nền kinh tế trong phát triển bền vững (phát triển nhanh nhưng an toàn (tránh được sự suy thoái và tình trạng nợ nần)).

- Khi phân tích mặt bền vững về xã hội, GV cần chỉ ra sinh thái nhân văn có ý nghĩa giúp công bằng xã hội và phát triển con người. Trong đó, công bằng xã hội là một trong những mục tiêu trọng yếu của phát triển bền vững. Điều đó có nghĩa là phát triển bền vững cần được hiểu một cách đầy đủ. Phát triển bền vững là sự phát triển đáp ứng nhu cầu của thế hệ hiện tại mà không làm ảnh hưởng đến khả năng đáp ứng nhu cầu của thế hệ tương lai.

- Khi phân tích mặt bền vững về môi trường, GV cần tập trung vào ý nghĩa của sinh thái nhân văn trong việc khai thác và sử dụng hợp lí các nguồn tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học,...

- GV sử dụng phương pháp trực quan, hỏi đáp kết hợp thuyết trình để tổ chức và hướng dẫn cho HS tìm hiểu các nội dung theo các mục trong SCD.

- GV yêu cầu HS ghi kết quả vào biên bản thảo luận nhóm.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của GV.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày câu trả lời dựa trên kết quả thảo luận nhóm bằng phương pháp thuyết trình.

- Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và chỉnh sửa cho câu trả lời của HS. Từ đó, hướng dẫn HS rút ra kiến thức trọng tâm như ý (4) SCĐ trang 58:

 Sinh thái nhân văn đảm bảo cho sự thành công của mục tiêu phát triển bền vững thể hiện tính bền vững về kinh tế , xã hội và môi trường

- Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.

- GV sử dụng công cụ 1, 2 và 7 để đánh giá.

**HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP (10 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 1.4; GTHT 1.5; CC 1.2.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:** GV yêu cầu HS làm việc nhóm để trả lời câu hỏi luyện tập trong SCĐ.

- Hãy chỉ ra các yếu tố thành phần trong một hệ sinh thái nhân văn mà em biết?

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV và ghi kết quả vào biên bản thảo luận nhóm.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày nội dung trả lời câu hỏi được yêu cầu.

- Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và chỉnh sửa câu trả lời của HS.

- Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.

- GV sử dụng công cụ 1 để đánh giá.

**HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG (5 phút)**

**a) Mục tiêu:** SH 3.2; GTHT 1.5; CC 1.2; TN 4.1.

**b) Tổ chức thực hiện:**

**\* Giao nhiệm vụ học tập:**

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp để trả lời đánh giá về giá trị của sinh thái nhân văn tại khu vực mà em sinh sống.

- GV cung cấp cho HS một số tiêu chí để đánh giá.

- GV yêu cầu HS nộp sản phẩm của nhóm mình cho GV vào ngày .../......trên Padlet hoặc Google Drive.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.

**\* Báo cáo, thảo luận:**

- HS trình bày nội dung trả lời câu hỏi được yêu cầu.

- Các HS còn lại theo dõi, nhận xét, góp ý.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và chỉnh sửa câu trả lời của HS.

- Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.

- GV sử dụng công cụ 1 và 3 để đánh giá.

**\* Kết luận, nhận định:**

- GV nhận xét và chỉnh sửa câu trả lời của HS.

- Gợi ý trả lời câu hỏi: Tham khảo đáp án trong SGV.

- GV sử dụng công cụ 1 và 3 để đánh giá.

**IV. HỒ SƠ DẠY HỌC**

 **A. NỘI DUNG DẠY HỌC CỐT LÕI**

**BÀI 8: KHÁI NIỆM VÀ GIÁ TRỊ CỦA SINH THÁI NHÂN VĂN**

**I. Khái niệm về sinh thái nhân văn**

SCĐ trang 54

**II. Giá trị của sinh thái nhân văn trong việc phát triển bền vững**

SCĐ trang 55

 **B. CÁC HỒ SƠ KHÁC**

- Sản phẩm:

+ Sản phẩm 1: Câu trả lời của HS.

+ Sản phẩm 2: Bảng KWL.

Kiến thức liên quan đến sinh thái nhân văn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| K | W | L |
| - Hệ sinh thái là gì?- 1 số tác động của con người đến hệ sinh thái - Khái niệm kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn - Thế nào là phát triển bền vững?- Tại sao phải bảo vệ hệ sinh thái ?... | - Tác động của con người đến hệ sinh thái - Tại sao nói ‘con người có vai trò quan trọng đối với hệ sinh thái Nhân văn’?... | - Thế nào là sinh thái nhân văn?- Các thành phần trong hệ sinh thái nhân văn- Giá trị của sinh thái nhân văn với sự phát triển bền vững... |

+ Sản phẩm 3: Phiếu học tập số 1.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1****TÌM HIỆU MỐI QUAN HỆ GIỮA NHẬN THỨC, HÀNH ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH CỦA SINH THÁI NHÂN VĂN**- Lớp:.........................................Nhóm thảo luận:........................................................- Họ và tên thành viên:................................................................................................. |
| STT | Nội dung thảo luận | Kết quả |
| 1 | *Quan sát Hình 8.3 sách chuyên đề, hãy phân tích giá trị của sinh thái nhân văn trong việc phát triển bền vững?* *hãy cho biết phát triển bền vững là gì?* |  |
|  |  |  |

+ Sản phẩm 4: Phiếu học tập số 2.

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2****TÌM HIỆU MỐI QUAN HỆ GIỮA NHẬN THỨC, HÀNH ĐỘNG VÀ LỢI ÍCH CỦA SINH THÁI NHÂN VĂN**- Lớp:.........................................Nhóm quan sát:........................................................- Họ và tên thành viên:................................................................................................. |
| STT | Nội dung góp ý câu hỏi | Kết quả |
| 1 | *Quan sát Hình 8.3 sách chuyên đề, hãy phân tích giá trị của sinh thái nhân văn trong việc phát triển bền vững?* *hãy cho biết phát triển bền vững là gì?* |  |
|  |  |  |

+ Sản phẩm 5: Biên bản thảo luận nhóm.

|  |
| --- |
| **BIÊN BẢN THẢO LUẬN NHÓM**Nhóm: |
| Nội dung thảo luận | Kết quả thảo luận |
|  |  |
|  |  |
| Lưu ý (nếu có):................................................................................................... |

- Công cụ đánh giá (xem phần phụ lục):

+ Công cụ 1: Bảng đánh giá kết quả trả lời hệ thống câu hỏi.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu hỏi/bài tập  | Đáp án | Điểm tối đa | Điểm HS đạt được |
| Câu 1: |  |  |  |
|  |  |  |  |

+ Công cụ 2: Bảng đánh giá kĩ năng làm việc nhóm của HS (HS tự đánh giá).

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Điểm tối đa | Điểm HS đạt được | Hành vi của HS |
| Sẵn sàng, vui vẻ nhận nhiệm vụ được giao. | 1 |  |  |
| Thực hiện tốt nhiệm vụ cá nhân được giao. | 2 |  |  |
| Chủ động liên kết các thành viên có những điều kiện khác nhau vào trong các hoạt động của nhóm. | 2 |  |  |
| Sẵn sàng giúp đỡ thành viên khác trong nhóm khi cần thiết. | 2 |  |  |
| Chủ động chia sẻ thông tin và học hỏi các thành viên trong nhóm. | 1 |  |  |
| Đưa ra các lập luận thuyết phục được các thành viên trong nhóm. | 2 |  |  |

+ Công cụ 3: Rubrics đánh giá bài báo cáo của HS.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 |
| Nội dung(4 điểm) | Đầy đủ các mục theo yêu cầu, lượng thông tin hợp lí, nộidung kiến thức chính xác.(3,5-4 điểm) | Đầy đủ các mục theo yêu cầu, lượng thông tin hợp lí, có nội dung chưađược chính xác.(2,5-3 điểm) | Chưa đầy đủ các mục, thiếu nội dung hoặc ít thong tin, nội dung chưachính xác.(0,5 - 2 điểm) |
| Trình bày(2 điểm) | Bố cục dễ nhìn, màu sắc hài hoà, có hình ảnh và videominh hoạ rõ ràng, có tính sáng tạo cao.(2 điểm) | Bố cục dễ nhìn, màu sắc hài hoà, có hình ảnh và video minh hoạ nhưngtính sáng tạo chưa cao.(1,5 điểm) | Bố cục chưa được hợp lí, màu sắc chưa có sự hàihoà, thiếu hình ảnh và video minh họa, chưa sáng tạo.(0,5-1 điểm) |
| Tác phong(2 điểm) | Trình bày lưu loát, rõ ràng, tự tin, có giao tiếp với người nghe.(2 điểm) | Trình bày lưu loát, rõ ràng, tự tin, chưa có sự giao tiếp với người nghe.(1,5 điểm) | Trình bày ngập ngừng, thiếu tự tin, chưa có sự giao tiếp với người nghe.(0,5-1 điểm) |
| Thái độ(2 điểm) | Nộp sản phẩm đúng kế hoạch, có sự hợp tác tốt giữa cácthành viên trong nhóm.(2 điểm) | Nộp sản phẩm đúng kế hoạch, sự hợp tác giữa các thành viên trong nhóm chưa tốt.(1,5 điểm) | Nộp sản phẩm chưa đúng kế hoạch, chưa có sự hợp tác tốt giữa các thành viêntrong nhóm.(0,5-1 điểm) |

+ Công cụ 5: Thang đo đánh giá hoạt động học tập hoàn thành phiếu học tập.

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Điểm tối đa | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |
| Xác định được vấn đề học tập | 2 |  |  |  |  |  |
| Trình bày được câu trả lời chính xác. | 2 |  |  |  |  |  |
| Nhận biết được các sai sót và chỉnh sửa. | 1 |  |  |  |  |  |
| Ghi chép nội dung học tập đầy đủ. | 1 |  |  |  |  |  |
| Giải thích cơ sở cho câu trả lời rõ ràng. | 2 |  |  |  |  |  |
| Rút ra kết luận chính xác | 2 |  |  |  |  |  |

+ Công cụ 7: Thang đo đánh giá kĩ năng báo cáo kết quả (tìm hiểu, nghiên cứu, thực hành,...).

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Điểm tối đa | Mức 1 | Mức 2 | Mức 3 | Mức 4 | Mức 5 |
| Trình bày mạch lạc, rõ ràng, dễ hiểu. | 1 |  |  |  |  |  |
| Báo cáo có điểm nhấn, trọng tâm, lôi cuốn người nghe. | 1 |  |  |  |  |  |
| Nội dung báo cáo đảm bảo đúng yêu cầu. | 3 |  |  |  |  |  |
| Nội dung báo cáo logic, đầy đủ; có số liệu minh chứng cụ thể, phong phú. | 3 |  |  |  |  |  |
| Bài báo cáo có hình thức trình bày đẹp, rõ ràng, khoa học. | 1 |  |  |  |  |  |
| Hoàn thành báo cáo đúng thời hạn, trình bày đúng thời gian quy định. | 1 |  |  |  |  |  |